

CÔNG TY CỔ PHẦN HIBIHE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HIBIHE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIBIHE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HIBIHE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110726002

3. Ngày thành lập: 23/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

: Tầng 2 Số 2A, Ngách 28/11, Ngõ 28 đường Võ Chí Công, Tổ 16, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0928319868

Fax:

Email: Tranhong170890@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4530
2.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4543
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; - Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh. (Trừ động vật hoang dã) (“Kinh doanh thực phẩm chức năng” được quy định tại Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP Quy Định Về Điều Kiện Sản Xuất, Kinh Doanh Thực Phẩm Thuộc Lĩnh Vực Quản Lý Chuyên Ngành Của Bộ Y Tế)	4632
7.	Bán buôn đồ uống (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác -Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh -Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh -Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm -Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4652

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Cơ sở mua bán trang thiết bị y tế -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (“Cơ sở mua bán trang thiết bị y tế” được quy định tại Điều 37 Nghị Định 36/2016/Nđ-Cp Về Quản Lý Trang Thiết Bị Y Tế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 169/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế)	4659
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: -Bán buôn sắt, thép (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
16.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
17.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	8220
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
20.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng. - Cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm (Điều 9, Điều 16 Nghị định 71/2007/NĐ-CP Hướng dẫn Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin ngày 03/05/2007) (Trừ hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng, trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
21.	Cổng thông tin Chi tiết: -Thiết lập mạng xã hội -Trừ hoạt động báo chí (“Thiết lập mạng xã hội” được quy định tại Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)	6312
22.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (Trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399

23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản (“Dịch vụ môi giới bất động sản”, “Dịch vụ tư vấn bất động sản”, “Dịch vụ quản lý bất động sản” Quy định tại Điều 62, 69, 74, 75 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2014)	6820
24.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Bán buôn tổng hợp (Trừ Bán buôn dược phẩm; phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp và những mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) -Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) -Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar và thuốc lá nhập khẩu)	4711
28.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) -Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) -Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: -Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: Quầy Bar và chi kinh doanh theo qui định của pháp luật)	4723

31.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Không hoạt động tại trụ sở)	1050
32.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
34.	Sao chép bản ghi các loại (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	1820
35.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	2011
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm ("Sản xuất mỹ phẩm" quy định tại Điều 3, điều 4 Nghị định 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016; Điều 13 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	2023
37.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất tinh dầu tự nhiên. (Trừ sản xuất hóa chất cơ bản - gia vị tại trụ sở)	2029
38.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất tinh dầu xả, tinh dầu quế, tinh dầu cà phê, tinh dầu trầm, tinh dầu bạc hà, tinh dầu bưởi, tinh dầu hoa hồng, tinh dầu hoa nhài, và các loại tinh dầu chiết suất từ cây, hoa, thiên nhiên. - Sản xuất gel rửa tay khô sát trùng kháng khuẩn, dung dịch sát trùng, kháng khuẩn. (Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	2100
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4791

41.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). - Trừ hoạt động đấu giá	4799
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ (“Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô” quy định tại Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản và kinh doanh kho bãi)	5210
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật)	5610
49.	Đại lý du lịch Chi tiết: -Kinh doanh đại lý lữ hành (“Kinh doanh đại lý lữ hành” quy định tại Điều 40 Luật Du Lịch 2017 Số 09/2017/QH14)	7911

50.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa -Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế -Kinh doanh vận tải khách du lịch (“Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa”, “Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế”, “Kinh doanh vận tải khách du lịch” lần lượt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30, tại Điều 45 Luật Du Lịch 2017 Số 09/2017/QH14)	7912
51.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990
52.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: -Hoạt động sản xuất trang thiết bị y tế (“Hoạt động sản xuất trang thiết bị y tế” được quy định tại Điều 11 Nghị Định 36/2016/Nđ-Cp Về Quản Lý Trang Thiết Bị Y Tế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 169/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế)	3250

53.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác - Sản xuất găng tay; - Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy (“sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy” quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn luật phòng cháy và chữa cháy và luật phòng cháy và chữa cháy sửa đổi)	3290
54.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
55.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm.	4752
58.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
59.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

61.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Cơ sở bán lẻ là nhà thuốc - Cơ sở bán lẻ là quầy thuốc (“cơ sở bán lẻ là nhà thuốc” được quy định tại Điều 47 Luật được số 105/2016/QH13) (“Cơ sở bán lẻ là quầy thuốc” được quy định tại Điều 48 Luật được số 105/2016/QH13)	4772
-----	--	------

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN THẮNG	Số 30 ngõ 10 Bùi Xương Trạch, Khu phố 3, Phường Phú Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	15,000	0380910075 79	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	15,000		

2	TRẦN THỊ HỒNG	Tổ 4, Ấp 1, Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	15,000	038190043300	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	15,000		
3	LÊ THỊ ANH	Thôn 1, Xã Xuân Thọ, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	70,000	038191050129	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	140.000	1.400.000.000	70,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/04/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038091007579

Ngày cấp: 11/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 30 ngõ 10 Bùi Xương Trạch, Khu phố 3, Phường Phú Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 30 ngõ 10 Bùi Xương Trạch, Khu phố 3, Phường Phú Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội